

**QUẢN TRỊ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ
XÃ CHỢ MỚI TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH BẮC KẠN**

Nguyễn Thị Thu Trang¹, Trần Thị Quế², Nguyễn Thu Huyền³, Lê Thu Hà⁴
Tóm tắt

Bài báo nhằm phân tích công tác quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã Chợ Mới, Tỉnh Thái Nguyên tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Kạn, giai đoạn 2022–2024. Nghiên cứu kết hợp dữ liệu thứ cấp từ báo cáo tín dụng của ngân hàng và dữ liệu sơ cấp khảo sát 38 cán bộ tín dụng. Các phương pháp thống kê mô tả, so sánh và phân tích SWOT được sử dụng để làm rõ thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng. Nghiên cứu chỉ ra rằng BIDV Bắc Kạn đã đạt được kết quả tích cực dư nợ tín dụng doanh nghiệp tăng từ 3.026 tỷ đồng năm 2022 lên 4.164 tỷ đồng năm 2024, góp phần thúc đẩy sản xuất, dịch vụ và tạo việc làm tại xã Chợ Mới, Tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, vẫn tồn tại các hạn chế về kế hoạch hóa, giám sát sau vay và phối hợp liên ngành. Điểm mới và sáng tạo của nghiên cứu là đề xuất mô hình ba nhóm giải pháp tổng thể: (i) Nhóm giải pháp từ phía BIDV chi nhánh Bắc Kạn; (ii) Nhóm giải pháp từ phía khách hàng doanh nghiệp; (iii) Nhóm giải pháp hỗ trợ từ phía Ngân hàng nhà nước khu vực 5 và chính quyền địa phương. Cách tiếp cận này góp phần gắn kết hoạt động tín dụng thương mại với phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững và bao trùm.

Từ khóa: Tín dụng doanh nghiệp, quản trị tín dụng doanh nghiệp, phát triển kinh tế địa phương, rủi ro tín dụng doanh nghiệp, quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp.

**CORPORATE CREDIT MANAGEMENT FOR LOCAL ECONOMIC DEVELOPMENT
IN CHO MOI COMMUNE AT THE JOINT STOCK COMMERCIAL BANK
FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM, BAC KAN BRANCH**

Abstract

This paper analyzes the management of corporate credit for local economic development in Cho Moi Commune, Thai Nguyen Province, at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Bac Kan Branch, during the period 2022–2024. The study combines secondary data from the bank's credit reports with primary data collected through a survey of 38 credit officers. Descriptive statistics, comparative methods, and SWOT analysis were employed to clarify the current credit management practices and influencing factors. The findings reveal that BIDV Bac Kan Branch achieved positive outcomes, with corporate credit outstanding balances increasing from VND 3,026 billion in 2022 to VND 4,164 billion in 2024, contributing to the promotion of production, services, and job creation in Cho Moi Commune, Thai Nguyen Province. However, several limitations remain in corporate credit management at the branch, particularly in planning, post-loan monitoring, and inter-agency coordination. The novelty and contribution of this study lie in proposing a three-dimensional solution model: (i) solutions from BIDV Bac Kan Branch; (ii) solutions from corporate clients; and (iii) supportive solutions from the State Bank of Vietnam (Region 5) and local authorities. This integrated approach helps to link corporate credit management with local economic development toward sustainability and inclusiveness.

Keywords: Corporate credit, Corporate credit management, Local economic development, Corporate credit risk, Corporate credit risk management.

JEL classification: E51, H32.

DOI: 10.63767/TCKT.36.2026.31.38

1. Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế thị trường, tín dụng ngân hàng là công cụ tài chính chủ lực, giữ vai trò quan trọng trong việc huy động và phân bổ nguồn vốn cho nền kinh tế. Đối với khu vực doanh nghiệp, tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh. Với những địa phương đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như xã Chợ Mới, tín dụng ngân hàng được xem là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, tạo việc làm và nâng cao đời sống nhân dân.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Kạn (BIDV Chi nhánh Bắc Kạn) là một trong những tổ chức tín dụng chủ lực trên địa bàn, giữ vai trò quan trọng trong cung ứng vốn cho doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2022–2024, hoạt động tín dụng doanh nghiệp tại Chi nhánh duy trì tăng trưởng ổn định, dư nợ cho vay tăng từ 3.026 tỷ đồng năm 2022 lên 4.164 tỷ đồng năm 2024, tương ứng tốc độ tăng bình quân trên 20%/năm, qua đó góp phần thúc đẩy sản

xuất nông – lâm nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ tại xã Chợ Mới (BIDV Chi nhánh Bắc Kạn, 2022–2024). Tuy nhiên, thực tiễn quản trị tín dụng vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Nợ quá hạn gia tăng từ 92 tỷ đồng năm 2022 lên 118 tỷ đồng năm 2024, chiếm 2,83% tổng dư nợ; nợ xấu biến động không ổn định, từ 29 tỷ đồng (2022) lên 36 tỷ đồng (2023) và 39 tỷ đồng (2024), dù tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 1% (BIDV Chi nhánh Bắc Kạn, 2022–2024). Bên cạnh đó, cơ cấu tín dụng vẫn nghiêng về ngắn hạn, trong khi các khoản vay trung và dài hạn – vốn có ý nghĩa lâu dài với phát triển địa phương – còn chiếm tỷ trọng hạn chế. Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chưa hiệu quả, ứng dụng công nghệ số trong quản trị tín dụng chưa toàn diện, và liên kết giữa ngân hàng với chính quyền, hiệp hội doanh nghiệp còn lỏng lẻo. Những bất cập này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quản trị tín dụng doanh nghiệp gắn với mục tiêu phát triển kinh tế địa phương.

Xuất phát từ đó, bài báo tập trung giải quyết ba nội dung chính: (i) Tổng quan tài liệu nghiên cứu quản

trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế địa phương của NHTM; (ii) Phân tích thực trạng quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã Hội mới tại NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn; (iii) Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã Hội mới tại NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn trong thời gian tới.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế địa phương

Khái niệm: Quản trị tín dụng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại (NHTM) được hiểu là quá trình hoạch định, tổ chức, điều hành, giám sát và kiểm soát toàn bộ hoạt động cấp tín dụng đối với doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn vốn, hiệu quả kinh doanh và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương (Levine, 2005; Mishkin và Eakins, 2021). Về bản chất, đây là một quá trình quản trị tổng hợp, kết hợp giữa mục tiêu tài chính của ngân hàng và mục tiêu phát triển kinh tế vùng – địa phương, thông qua việc cung ứng vốn tín dụng, khuyến khích đổi mới, mở rộng sản xuất và tạo việc làm (Chen, 2024).

Vai trò của quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế địa phương.

Quản trị tín dụng doanh nghiệp có vai trò như sau:

(i) Đối với ngân hàng: giúp duy trì hiệu quả sử dụng vốn, hạn chế rủi ro tín dụng và nâng cao khả năng sinh lời;

(ii) Đối với địa phương: là đòn bẩy tài chính thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển bền vững (Náñez Alonso, Jorge-Vázquez, Sastre-Hernández và Ziębicki, 2023). Tại các địa phương miền núi hoặc kém phát triển, công tác quản lý tín dụng của NHTM còn góp phần thúc đẩy tài chính bao trùm, mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), tạo động lực cho phát triển cộng đồng và ổn định xã hội (Qin, 2022).

Nội dung quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế địa phương

Công tác quản trị tín dụng doanh nghiệp của NHTM thường bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

(i) Lập kế hoạch tín dụng: Xác định nhu cầu vốn, cơ cấu tín dụng theo ngành, lĩnh vực ưu tiên và khả năng huy động vốn.

(ii) Tổ chức và thực hiện tín dụng: Thẩm định năng lực tài chính doanh nghiệp, xét duyệt hồ sơ vay, giải ngân, giám sát sử dụng vốn.

(iii) Kiểm tra và kiểm soát tín dụng: Theo dõi, đánh giá, phân loại nợ, trích lập dự phòng, xử lý nợ xấu và đánh giá tác động kinh tế – xã hội của các khoản vay (Phạm, 2023; Đình & Nghiê, 2021).

Công cụ quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế địa phương

Các công cụ phổ biến trong quản trị tín dụng doanh nghiệp gồm: Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (Internal Rating System – IRS); Mô hình cảnh báo sớm rủi ro (Early Warning Indicators – EWI); Hệ thống phân tích và giám sát danh mục tín dụng (Credit Portfolio Monitoring); Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng (CIC); Phần mềm quản trị rủi ro tích hợp (Integrated Risk Management Systems).

Những công cụ này hỗ trợ NHTM kiểm soát chặt chẽ quy trình tín dụng, đồng thời cung cấp dữ liệu đầu vào cho hoạch định chính sách và giám sát danh mục cho vay doanh nghiệp (Phạm, 2023).

2.2. Nghiên cứu thực nghiệm

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy tín dụng doanh nghiệp (DN) có vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Mishkin & Eakins (2021) khẳng định tín dụng ngân hàng đóng vai trò trung gian phân bổ nguồn lực hiệu quả, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Levine (2005) khẳng định tại các quốc gia đang phát triển, tín dụng DN không chỉ là động lực mở rộng sản xuất mà còn hỗ trợ dịch chuyển cơ cấu kinh tế và tạo việc làm.

Nhiều nghiên cứu ở cấp địa phương cho thấy vai trò của tín dụng DN trong phát triển vùng. Chen (2024) khảo sát 275 thành phố ở Trung Quốc, kết quả chứng minh tăng trưởng tín dụng có quan hệ thuận chiều với tăng trưởng kinh tế ở các đô thị kém phát triển. Qin (2022) cho thấy cải thiện tiếp cận tín dụng đã thúc đẩy khởi nghiệp ở Trung Quốc. Ngoài ra, ở châu Âu, nghiên cứu của Náñez Alonso, Jorge-Vázquez, Sastre-Hernández và Ziębicki (2023) khẳng định các ngân hàng địa phương và tổ chức tín dụng cộng đồng có tác động tích cực đến kinh tế vùng nghèo, nơi dân cư ít có cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức.

Những kết quả này khẳng định quản trị tín dụng DN trong ngân hàng thương mại (NHTM) không chỉ đảm bảo an toàn tài chính mà còn có ý nghĩa phát triển bền vững ở cấp địa phương.

Tại Việt Nam, tín dụng ngân hàng được xem là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế vùng, đặc biệt ở các địa phương trung du, miền núi. Các nghiên cứu trong nước chỉ ra rằng khả năng tiếp cận tín dụng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động và sự tồn tại của DN nhỏ và vừa (Lê Minh Hoàng, 2021).

Ở góc độ quản trị tín dụng, nhiều nghiên cứu đã phân tích hạn chế trong công tác thẩm định và kiểm soát rủi ro. Phạm (2023) cho rằng công tác quản trị tín dụng tại nhiều NHTM chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt với DN vừa và nhỏ. Tương tự, Lê và cộng sự (2022) nhấn mạnh những bất cập trong việc đánh giá rủi ro và cơ chế giám sát khoản vay. Đình và Nghiê (2021) khẳng định rằng quản trị tín dụng hiệu quả vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh ngân hàng, vừa giảm thiểu nợ xấu.

Kết quả nghiên cứu trong nước đồng thuận rằng quản trị tín dụng DN không chỉ là chức năng nội tại của NHTM mà còn có vai trò hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương – đặc biệt trong bối cảnh các vùng nông thôn, miền núi nơi DN nhỏ chiếm tỷ trọng lớn.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Trong khi, các nghiên cứu quốc tế nhấn mạnh đến “khả năng tiếp cận vốn” hoặc “tác động cộng đồng” nhưng ít phân tích quy trình quản trị tín dụng ở cấp chi nhánh. Các nghiên cứu trong nước chủ yếu đánh giá hạn chế quản trị tín dụng ở mức tổng thể hệ thống NHTM, chưa đi sâu vào trường hợp địa phương cụ thể. Chưa có nhiều bằng chứng thực nghiệm về cách quản trị tín dụng DN của một chi nhánh ngân hàng thương

mại tại huyện/xã ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế địa phương. Do đó, nghiên cứu về quản trị tín dụng DN cho phát triển kinh tế xã Chợ Mới tại BIDV chi nhánh Bắc Kạn sẽ góp phần bổ sung khoảng trống học thuật, đồng thời cung cấp luận cứ thực tiễn để hoàn thiện quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế ở cấp địa phương.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp và sơ cấp

Dữ liệu thứ cấp được lấy từ báo cáo tín dụng, báo cáo tài chính, bảng cân đối kế toán của BIDV Bắc Kạn và các văn bản liên quan của Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn 2022–2024.

Dữ liệu sơ cấp thu thập qua khảo sát 38 cán bộ tín dụng Phiếu khảo sát gồm thông tin cơ bản và các tiêu chí đánh giá quản trị tín dụng, áp dụng thang đo Likert 5 mức độ.

3.2. Phương pháp tổng hợp thông tin

Sau khi thu thập, dữ liệu được phân loại, hệ thống hóa theo từng nhóm nội dung nghiên cứu. Dữ liệu thứ cấp được tổng hợp theo các chỉ tiêu tín dụng, dư nợ, nợ xấu và kết quả tài chính; dữ liệu sơ cấp được kiểm tra độ tin cậy trước khi nhập liệu và xử lý để đảm bảo tính chính xác, khách quan.

3.3. Phương pháp phân tích

Toàn bộ số liệu thu thập được xử lý bởi chương trình Excel trên máy tính. Đối với những thông tin là số liệu định lượng thì tiến hành tính toán các chỉ tiêu cần thiết như số tuyệt đối, số tương đối, số trung bình và lập thành các bảng biểu, đồ thị.

Phương pháp phân tích thông tin thu thập được sử dụng trong bài viết bao gồm: Phương pháp thống kê

mô tả, phương pháp so sánh nhằm đánh giá thực trạng quản trị tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Bắc Kạn.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng quản trị tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Chi nhánh Bắc Kạn

Giai đoạn 2022–2024, hoạt động tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Chi nhánh Bắc Kạn duy trì tăng trưởng ổn định, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế địa phương. Tổng số doanh nghiệp có quan hệ tín dụng tăng từ 205 lên 232, trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 88%. Dư nợ tín dụng doanh nghiệp tăng từ 3.026 tỷ đồng (2022) lên 4.164 tỷ đồng (2024), bình quân 17%/năm. Dư nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao (~60%) nhưng đang có xu hướng giảm, trong khi dư nợ trung và dài hạn tăng nhanh, phản ánh định hướng hỗ trợ đầu tư sản xuất và dự án. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả bền vững và giảm thiểu rủi ro, công tác quản trị tín dụng doanh nghiệp đóng vai trò then chốt trong toàn bộ quá trình cấp tín dụng, giám sát và thu hồi nợ. Do đó, bài viết sẽ phân tích thực trạng công tác quản trị tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Chi nhánh Bắc Kạn cụ thể như sau:

4.1.1. Lập kế hoạch tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã Chợ Mới

Với đặc điểm địa bàn hoạt động của chi nhánh là nơi tập trung đông dân cư, hộ gia đình, BIDV chi nhánh Bắc Kạn xác định đối tượng của hoạt động tín dụng doanh nghiệp chủ yếu là KHDN nhỏ và vừa. Theo đó, kế hoạch tăng trưởng quy mô tín dụng doanh nghiệp được thể hiện thông qua ba chỉ tiêu quan trọng là doanh số cho vay, doanh số thu nợ và dư nợ tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã Chợ Mới (Bảng 1)

Bảng 1: Kế hoạch tăng trưởng và kiểm soát rủi ro tín dụng doanh nghiệp của BIDV Chi nhánh Bắc Kạn giai đoạn 2022–2024

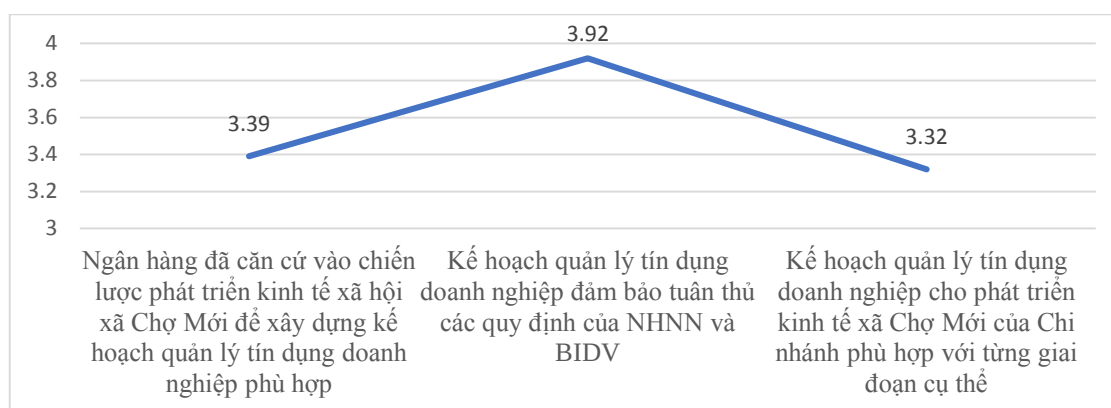
Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Dư nợ tín dụng KHDN (tỷ đồng)	3.000	3.400	4.100
Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng KHDN	-	13,33	20,59
Tỷ lệ nợ quá hạn tín dụng KHDN	≤ 3%	≤ 3%	≤ 3%
Tỷ lệ nợ xấu tín dụng KHDN	≤ 1%	≤ 1%	≤ 1%
Tỷ lệ trích lập DPRR tín dụng KHDN	≤ 0,5%	≤ 0,5%	≤ 0,5%

Nguồn: Phòng Kế hoạch kinh doanh của BIDV chi nhánh Bắc Kạn

Bảng 1 cho thấy BIDV Chi nhánh Bắc Kạn đặt mục tiêu tăng trưởng dư nợ tín dụng doanh nghiệp khá cao trong giai đoạn 2022–2024. Cụ thể, dư nợ tín dụng doanh nghiệp dự kiến tăng từ 3.000 tỷ đồng năm 2022 lên 3.400 tỷ đồng năm 2023 và đạt 4.100 tỷ đồng năm 2024, tương ứng với tốc độ tăng trưởng lần lượt 13,33% và 20,59%. Điều này cho thấy chi nhánh định hướng mở rộng quy mô tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tuy nhiên, cùng với mục tiêu tăng trưởng, chi nhánh vẫn đặt ra các ngưỡng kiểm soát rủi ro chặt chẽ, nhằm đảm bảo phát triển tín dụng theo hướng an toàn và bền vững. Lập phương án, kế hoạch xử lý trường hợp đối với từng khoản nợ, xác định nguồn thu và các hoạt động quản lý cụ thể đối với từng đối tượng khách hàng, thời gian thực hiện được phân công cụ thể cho từng đối tượng, chính thức, thời gian thực hiện; Phân công và báo cáo kết quả thực hiện hàng tuần, tháng, quý, năm.



Hình 1. Đánh giá của cán bộ nhân viên về xây dựng kế hoạch quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã hội Mới

Hình 1 cho thấy, “kế hoạch quản trị tín dụng doanh nghiệp đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và BIDV” được đánh giá tốt (3,92). Tuy nhiên, “Ngân hàng đã căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội xã hội Mới để xây dựng kế hoạch quản trị tín dụng doanh nghiệp phù hợp” và “Kế hoạch quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã hội Mới của Chi nhánh phù hợp với từng giai đoạn cụ thể” mới đánh giá ở mức trung bình.

4.1.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã hội Mới

Bảng 2: Tình hình nợ quá hạn tín dụng doanh nghiệp của BIDV chi nhánh Bắc Kạn

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022		2024/2023	
				+/ -	%	+/ -	%
Nợ quá hạn	92	107	118	15	16,30	11	10,28
Dư nợ tín dụng KHDN	3026	3427	4164	401	13,25	737	21,51
Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	3,04	3,12	2,83	0	2,70	0	-9,24

Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của BIDV chi nhánh Bắc Kạn

Tỷ lệ nợ xấu

Nợ xấu của ngân hàng được xác định bằng tổng các nhóm nợ: nợ nhóm 3, nợ nhóm 4 và nợ nhóm 5.

Trong giai đoạn 2022-2024 nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu của BIDV chi nhánh Bắc Kạn là khá thấp, có xu hướng biến động không đều, được thể hiện cụ thể ở bảng 3

Bảng 3: Tình hình nợ xấu tín dụng doanh nghiệp của BIDV chi nhánh Bắc Kạn

Đơn vị: tỷ đồng

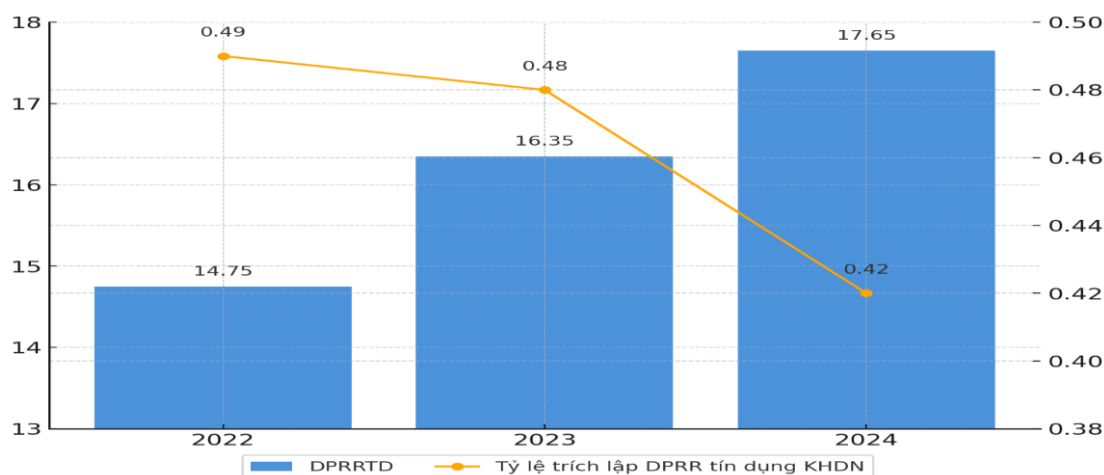
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022		2024/2023	
				+/ -	%	+/ -	%
Nợ xấu	29	36	39	7	24,14	3	8,33
Dư nợ tín dụng KHDN	3026	3427	4164	401	13,25	737	21,51
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0,96	1,05	0,94	0	9,61	0	-10,84

Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của BIDV chi nhánh Bắc Kạn

Tình hình trích lập dự phòng rủi ro

Tỷ lệ trích lập dự phòng và bù đắp rủi ro tín dụng của chi nhánh có xu hướng tăng dần lên, tuân thủ theo đúng quy định về trích lập dự phòng của NHNN. Chi phí dự phòng trích tại chi nhánh chủ yếu là do được hoàn nhập ở các tài sản có rủi ro khác và các khoản ngoại bảng, còn lại dự phòng cho các khoản nội bảng

trích tăng do tác động của môi trường kinh tế và cách tiếp cận thận trọng trong việc đánh giá nợ xấu của ngân hàng. Cụ thể số tiền trích lập DPRR tín dụng doanh nghiệp năm 2023 là 16,35 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ trích lập DPRR là 0,48% tăng so với năm 2022 là 1,6 tỷ đồng với tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro là 0,49%.



Hình 2. Tình hình trích lập dự phòng rủi ro của BIDV chi nhánh Bắc Kạn

Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của BIDV chi nhánh Bắc Kạn

Hiệu quả của chính sách phát triển tín dụng đối với phát triển kinh tế xã hội của một số khách hàng doanh nghiệp của chi nhánh BIDV chi nhánh Bắc Kạn.

Giai đoạn 2022 – 2024, Xã Chợ Mới đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông – lâm nghiệp.

Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 38,7 triệu đồng (năm 2023) lên 40,5 triệu đồng (năm 2024), cho thấy mức sống của người dân ngày càng được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 18% (năm 2022) xuống còn 16,8% (năm 2024)

Về giải quyết việc làm: giai đoạn 2022- 2024, xã Chợ Mới đã có những kết quả tích cực trong tạo việc làm. Năm 2022: xã Chợ Mới đã tạo việc làm mới cho 675 người, đạt 103% kế hoạch đề ra, Số lao động được tạo việc làm mới tăng lên 945 người và 750 người năm 2023 và 2024.

Kết quả hoạt động của một số khách hàng doanh nghiệp được cấp tín dụng của chi nhánh BIDV Chi

Hoạt động tín dụng ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp duy trì dòng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả trong giai đoạn 2022–2024 cho thấy các doanh nghiệp vay vốn tại BIDV Chi nhánh Bắc Kạn có những biến động nhất định về doanh thu và quy mô lao động (Bảng 4).

Công ty TNHH Lechenwood Việt Nam có doanh thu giảm mạnh từ 477,3 tỷ đồng năm 2022 xuống 181,2 tỷ đồng năm 2023, sau đó phục hồi lên 235 tỷ đồng năm 2024; quy mô lao động cũng giảm từ 300 người xuống 130 người và tăng trở lại 180 người. Trong khi đó, Công ty CP Đầu tư Govina ghi nhận xu hướng suy giảm liên tục cả về doanh thu và lao động, từ 236,3 tỷ đồng và 200 người năm 2022 xuống còn 106,3 tỷ đồng và 100 người năm 2024. Những biến động này phản ánh mức độ thích ứng khác nhau của các doanh nghiệp trước điều kiện thị trường và hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng.

Bảng 4. Doanh thu và Quy mô lao động của một số doanh nghiệp có vay vốn tại BIDV chi nhánh Bắc Kạn

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (tỷ đồng)			Quy mô lao động (người)		
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Công ty TNHH Lechenwood Việt Nam	477,3	181,2	235	300	130	180
2	Công ty CP Đầu tư Govina	236,3	158,1	106,3	200	150	100

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của 3 DN



Hình 3. Đánh giá của cán bộ nhân viên về thực hiện kế hoạch tín dụng doanh nghiệp tại chi nhánh

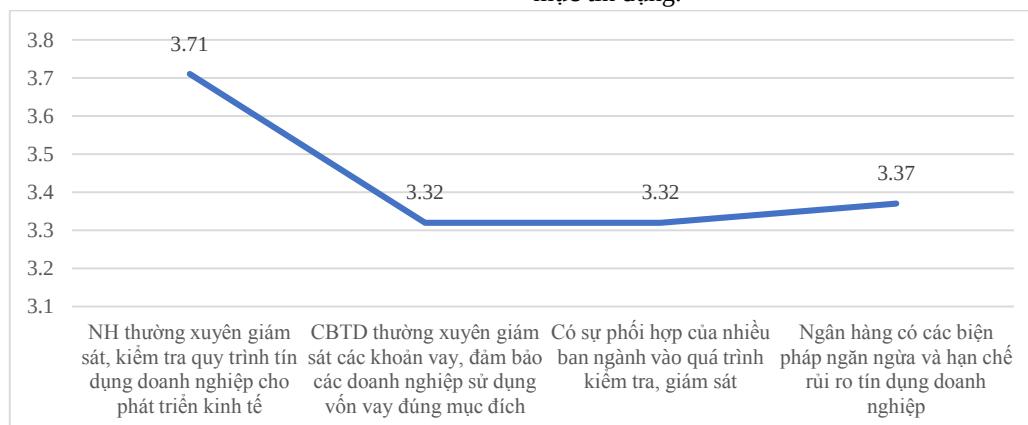
Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của tác giả

Quá trình kiểm soát tín dụng tại BIDV Chi nhánh

Kết quả điều tra cán bộ nhân viên cho thấy, “Cán bộ tín dụng hiểu rõ hạn mức và kỳ hạn tín dụng với từng đối tượng khách hàng” và “TSDB các khoản vay đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật” được đánh giá tốt. Tuy nhiên, “Ngân hàng luôn xác định và phân chia rõ trách nhiệm của từng bộ phận tham gia vào hoạt động tín dụng doanh nghiệp” và “Quy trình thẩm định cấp tín dụng doanh nghiệp đơn giản, nhanh gọn” mới đạt mức trung bình.

4.1.3. Kiểm tra và kiểm soát tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã Hội Mới

Bắc Kạn được thực hiện liên tục, khép kín với các bước trước, trong và sau cho vay, đồng thời có bộ phận kiểm soát nội bộ độc lập. Hệ thống kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát ngân hàng đảm nhiệm việc rà soát, đánh giá khách quan về mức độ tuân thủ chính sách, quy trình và khả năng quản lý rủi ro. Ngoài ra, chi nhánh còn chịu sự giám sát từ Phòng Kiểm soát nội bộ BIDV Hội sở, tiến hành rà soát tín dụng độc lập dựa trên rủi ro, nhằm kiểm tra mức độ hỗ trợ tín dụng, độ chính xác xếp hạng tín dụng và việc tuân thủ các chuẩn mực tín dụng.



Hình 4. Đánh giá của cán bộ nhân viên về kiểm tra, kiểm soát tín dụng doanh nghiệp tại chi nhánh

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cán bộ nhân viên cho thấy công tác kiểm tra, kiểm soát tín dụng doanh nghiệp tại Chi nhánh chưa được đánh giá cao, thể hiện ở ba chỉ tiêu được đánh giá ở mức bình thường, chỉ có 1 chỉ tiêu được đánh giá tốt. Theo đó, chỉ có chỉ tiêu “NH thường xuyên giám sát, kiểm tra quy trình tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế” đạt mức điểm tốt là 3,71 do BIDV chi nhánh Bắc Kạn đã thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi cho vay cũng như thực hiện kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên, các cán bộ tín dụng do quá nhiều công việc cũng

như phải xử lý nhiều hồ sơ tín dụng nên chưa thường xuyên giám sát việc sử dụng các khoản vay tín dụng doanh nghiệp đúng mục đích hay không. Điều này thể hiện ở chỉ tiêu “CBTD thường xuyên giám sát các khoản vay, đảm bảo các doanh nghiệp sử dụng vốn vay đúng mục đích” chỉ được đánh giá với mức điểm trung bình là 3,32 là mức bình thường.

4.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Chi nhánh Bắc Kạn cho phát triển kinh tế xã Hội Mới

Bảng 5: Ma trận SWOT các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã Hội Mới tại BIDV chi nhánh Bắc Kạn

Strengths (S) - Điểm mạnh - Chất lượng nhân sự cao, phần lớn có trình độ đại học trở lên - Quy trình giải ngân nhanh gọn, ít phiền hà - Thông tin tín dụng được thu thập tốt, nhất là từ thu nhập và mục đích vay. - Thái độ nhân viên tín dụng lịch thiệp, chuyên nghiệp.	Weaknesses (W) - Điểm yếu - Chính sách ưu đãi, chiến lược tín dụng chưa được khách hàng đánh giá cao - Thiếu nhân sự chuyên trách cho từng khâu thu thập, thẩm định hồ sơ tín dụng - Quy trình xử lý hồ sơ vay vốn chưa được đơn giản hóa hoàn toàn - Chưa thể hiện sự đồng cảm, thấu hiểu nhu cầu khách hàng.
Opportunities (O) - Cơ hội - Kinh tế địa phương dần phục hồi sau đại dịch. - Nhu cầu tín dụng doanh nghiệp ngày càng tăng. - Trình độ dân trí tăng kéo theo nhu cầu tiếp cận dịch vụ tín dụng cao cấp hơn - Chính sách nhà nước ưu đãi tín dụng doanh nghiệp	Threats (T) - Thách thức - Biến động kinh tế quốc tế ảnh hưởng lãi suất - Chính quyền địa phương hỗ trợ chưa hiệu quả. - Hệ thống pháp lý chưa hoàn chỉnh, gây khó khăn cho xử lý nợ, bảo đảm tiền vay - Cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các ngân hàng trên địa bàn

Ma trận SWOT (bảng 5) cho thấy công tác quản trị tín dụng doanh nghiệp tại BIDV – chi nhánh Bắc Kạn có mối liên hệ chặt chẽ giữa điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức.

Về điểm mạnh (S), chi nhánh sở hữu đội ngũ nhân sự chất lượng cao, phần lớn có trình độ đại học trở lên, quy trình giải ngân nhanh gọn, ít phiền hà và hệ thống thu thập thông tin tín dụng khá tốt. Đây là nền tảng quan trọng để ngân hàng khai thác cơ hội (O) từ bối cảnh kinh tế địa phương đang phục hồi, nhu cầu tín dụng doanh nghiệp ngày càng tăng, cùng với sự hỗ trợ chính sách ưu đãi từ Nhà nước. Thái độ phục vụ chuyên nghiệp của nhân viên cũng là lợi thế trong việc tiếp cận khách hàng có trình độ dân trí cao và nhu cầu ngày càng khắt khe.

Tuy nhiên, các điểm yếu (W) như chính sách ưu đãi và chiến lược tín dụng chưa hấp dẫn, thiếu nhân sự chuyên trách cho từng khâu xử lý hồ sơ, cũng như hạn chế trong sự đồng cảm và thấu hiểu khách hàng lại khiến chi nhánh chưa tận dụng hết cơ hội thị trường. Nếu không được khắc phục, những điểm yếu này có thể bị khuếch đại bởi các thách thức (T) như sự cạnh tranh gay gắt từ các ngân hàng khác, sự bất ổn kinh tế quốc tế làm biến động lãi suất, hay hệ thống pháp lý chưa hoàn chỉnh gây khó khăn cho xử lý nợ xấu.

Sự liên kết giữa các yếu tố SWOT cho thấy, để phát huy thế mạnh và tận dụng cơ hội, chi nhánh cần khắc phục những hạn chế nội tại, đồng thời có chiến lược linh hoạt ứng phó với thách thức. Chỉ khi đó, BIDV Chi nhánh Bắc Kạn mới có thể nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần tín dụng doanh nghiệp và đóng góp hiệu quả hơn cho sự phát triển kinh tế – xã hội xã Hội Mới.

4.3. Khuyến nghị giải pháp

Nghiên cứu cho thấy tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Chi nhánh Bắc Kạn giai đoạn 2022–2024 có mức tăng trưởng ổn định góp phần quan trọng hỗ trợ doanh nghiệp xã Hội Mới mở rộng sản xuất, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Tuy nhiên, công tác quản trị tín dụng còn nhiều hạn chế. Điều này cho thấy quản trị tín dụng vừa là động lực, vừa là rào cản cho phát triển kinh tế địa phương nếu không có cải thiện kịp thời. Trước yêu cầu của thực tiễn, bài viết đề xuất các giải pháp cụ thể như sau:

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Thứ nhất, Về phía Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn

Để tăng cường hiệu quả quản trị tín dụng doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế huyện Chợ Mới, BIDV Chi nhánh Bắc Kạn cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau: (i) Xây dựng chiến lược tín dụng giai đoạn 2025–2030 gắn với quy hoạch phát triển địa phương, hướng đến tăng trưởng dư nợ bền vững, kiểm soát chặt nợ xấu và nâng cao năng lực quản trị rủi ro; (ii) Đa dạng hóa sản phẩm tín dụng theo từng ngành và nhóm khách hàng như nông – lâm nghiệp, chế biến nông sản, du lịch sinh thái, hạ tầng nông thôn hay khởi nghiệp – chuyển đổi số, đồng thời đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian xét duyệt hồ sơ; (iii) Chuẩn hóa công tác thẩm định, giám sát với các tiêu chí đánh giá hiệu quả theo ngành, tăng cường kiểm tra thực địa và ứng dụng các công cụ dữ liệu lớn trong phân tích tín dụng; (iv) Đẩy mạnh số hóa quy trình cho vay thông qua hệ thống quản trị tín dụng điện tử, định giá tự động (AVM), chấm điểm tín dụng nội bộ và hệ thống cảnh báo sớm rủi ro (EWS); (v) Chính sách lãi suất linh hoạt theo mức độ rủi ro và ngành nghề, cùng việc chuyên môn hóa nhân sự, đào tạo định kỳ, áp dụng KPI và cơ chế lương thưởng minh bạch sẽ góp phần nâng cao năng lực cán bộ tín dụng và chất lượng quản trị tín dụng toàn diện.

Thứ hai, về phía khách hàng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh

Nhằm tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và bền vững trong quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và doanh nghiệp, các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh cần thực hiện:

Các doanh nghiệp cần chủ động minh bạch tài chính, xây dựng sổ sách kế toán, báo cáo thu – chi rõ ràng và quản lý dòng tiền qua tài khoản ngân hàng để nâng cao uy tín tín dụng. Việc lập phương án vay cần dựa trên dòng tiền và hiệu quả kinh doanh thực tế, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, tránh rủi ro đầu tư ngoài ngành.

Các doanh nghiệp nhỏ và hợp tác xã nên tận dụng quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Bắc Kạn, tham gia bảo hiểm nông nghiệp và mô hình liên kết chuỗi sản xuất – tiêu thụ nhằm giảm rủi ro và tăng khả năng tiếp cận vốn.

Đồng thời, doanh nghiệp cần tích cực chuyển đổi

số trong quản lý tài chính, hóa đơn điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm để nâng cao tính minh bạch và điểm tín dụng. Sự phối hợp chặt chẽ với ngân hàng trong quá trình giám sát, cung cấp thông tin và phản hồi kịp thời cũng giúp giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả sử dụng vốn vay.

Thứ ba, Về phía Ngân hàng Nhà nước Khu vực 5 và chính quyền địa phương.

Ngân hàng Nhà nước Khu vực 5 và chi nhánh tỉnh Bắc Kạn: cần hoàn thiện khung pháp lý quản trị rủi ro tín dụng, hướng dẫn các ngân hàng áp dụng chuẩn Basel II, mô hình ba tuyến phòng thủ và hệ thống cảnh báo sớm rủi ro. Đồng thời, cần mở rộng cơ sở dữ liệu CIC, kết nối thông tin liên ngân hàng, triển khai các chương trình tái cấp vốn ưu tiên cho lĩnh vực nông nghiệp, chế biến, hạ tầng và du lịch sinh thái.

Về phía chính quyền địa phương: UBND xã Chợ Mới và UBND tỉnh Thái Nguyên cần công bố minh bạch quy hoạch vùng sản xuất, danh mục dự án ưu tiên, cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký giao dịch bảo đảm, xác nhận tài sản và đất đai để doanh nghiệp tiếp cận vốn thuận lợi hơn. Các sở, ngành cần phối hợp chia sẻ dữ liệu thuế, đất đai, đăng ký kinh doanh cho ngân hàng phục vụ thẩm định tín dụng; đồng thời, tổ chức đào tạo, tư vấn quản trị – tài chính cho doanh nghiệp,

khuyến khích chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong sản xuất. Việc duy trì đối thoại định kỳ giữa ngân hàng và doanh nghiệp, cùng đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất – logistics – du lịch, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững tại huyện Chợ Mới.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích thực trạng quản trị tín dụng doanh nghiệp cho phát triển kinh tế xã Chợ Mới tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Kạn giai đoạn 2022–2024. Kết quả cho thấy hoạt động tín dụng doanh nghiệp của chi nhánh duy trì mức tăng trưởng khá ổn định, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng sản xuất, tạo việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, công tác quản trị tín dụng vẫn còn một số hạn chế như việc lập kế hoạch tín dụng chưa gắn chặt với định hướng phát triển kinh tế địa phương, hoạt động giám sát sau cho vay chưa thường xuyên và sự phối hợp giữa ngân hàng với các cơ quan liên quan còn hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất ba nhóm giải pháp từ phía ngân hàng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị tín dụng doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chen, J. (2023). Finance and local economic growth: New evidence from China (2009–2018). *International Journal of Finance & Economics*, 29(4), 4630–4659. <https://doi.org/10.1002/ijfe.2892>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Govina. (2022–2024). *Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh các năm 2022, 2023, 2024*.
- Công ty TNHH Lechenwood Việt Nam. (2022–2024). *Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh các năm 2022, 2023, 2024*.
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hồng Ngọc. (2022–2024). *Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh các năm 2022, 2023, 2024*.
- Đinh, X. H., & Nghiêm, V. B. (2021). *Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại I*. Nhà xuất bản Tài chính.
- Lê Minh Hoàng. (2021). Tác động của tín dụng ngân hàng đến sự phát triển của doanh nghiệp tại Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 29(5), 105–118.
- Levine, R. (2005). Finance and growth: Theory and evidence. In P. Aghion & S. N. Durlauf (Eds.), *Handbook of economic growth* (Vol. 1A, pp. 865–934). Elsevier. [https://doi.org/10.1016/S1574-0684\(05\)01012-9](https://doi.org/10.1016/S1574-0684(05)01012-9)
- Mishkin, F. S., & Eakins, S. G. (2021). *Financial markets and institutions* (9th ed.). Pearson Education.
- Náñez Alonso, S. L., Jorge-Vázquez, J., Sastre-Hernández, B., & Ziębicki, B. (2023). Do credit unions contribute to financial inclusion and local economic development? Empirical evidence from Poland. *Economics & Sociology*, 16(4), 110–129. <https://doi.org/10.14254/2071-789X.2023/16-4/5>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Kạn. (2022, 2023, 2024). *Báo cáo hoạt động tín dụng doanh nghiệp*. Báo cáo nội bộ, Bắc Kạn.
- Qin, N. (2022). Access to credit and entrepreneurship: Evidence from China. *Economic Development and Cultural Change*, 71(1). <https://doi.org/10.1086/714440>

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Thu Trang

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: thutrangqlkt@tueba.edu.vn

2. Trần Thị Quế*

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: tranthiquie@tueba.edu.vn

3. Nguyễn Thu Huyền

- Đơn vị công tác: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam
- Chi nhánh Bắc Kạn

4. Lê Thu Hà

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: thuha@tueba.edu.vn

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Quế

Ngày nhận bài: 16/9/2025

Ngày nhận bản sửa: 22/10/2025

Ngày duyệt đăng: 03/02/2026